

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Cảnh Toàn**.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Chinh** và ông **Nguyễn Văn Lam**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Mậu Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Hòa** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2024/TLST-DS ngày 11/4/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-DS ngày 08/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-DS ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Ph.

Địa chỉ: 14, NVC, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà H B.

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà H N.

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Ông Y B.

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Bà H' Y.

Địa chỉ: Buôn D, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Cao Thị Ph trình bày: Vào ngày 24/02/2023 bà H B có vay của tôi số tiền 215.000.000 đồng, lãi suất vay hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật (20%/ năm), thời hạn trả nợ chậm nhất đến

ngày 24/3/2023. Quá trình vay tiền, bà H B có lập giấy vay tiền viết tay, ký tên xác nhận và không cầm cố, thế chấp tài sản gì.

Tuy nhiên đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà H B không chịu trả tiền. Nay tôi đề nghị bà H B phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 215.000.000 đồng và tiền lãi là 1 năm 3 ngày (370 ngày), tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 24/3/2023 đến ngày khởi kiện  $29/3/2024 \times 20\% = 43.589.000$  đồng. Tổng cộng yêu cầu bà H B phải trả cho tôi tổng số tiền 258.589.000 đồng, trong đó nợ gốc 215.000.000 đồng + nợ lãi 43.589.000 đồng.

- Tại bản tự khai, bị đơn bà H B trình bày: Tôi thừa nhận là tôi có vay của bà Cao Thị Ph số tiền là 215.000.000 đồng vào ngày 24/02/2023. Lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 4.000 đồng/ 1.000.000đ/ ngày. Hẹn đến ngày 24/3/2023 thì sẽ trả đủ, có thế chấp 02 giấy chứng nhận QSD đất. Việc vay tiền được tôi viết vào giấy vay tiền và tôi đã ký nhận.

Trong thời gian vay tiền, tôi đã trả đầy đủ số tiền cho bà Cao Thị Ph, cả tiền gốc và tiền lãi. Lúc tôi trả tiền, bà Cao Thị Ph kêu tôi không cầm giấy vay tiền theo, tôi yêu cầu bà Cao Thị Ph xé giấy nhưng bà nói bà để quên ở nhà, tôi cũng nghĩ bà về nhà, bà sẽ xé giấy nên tôi cũng không hỏi nữa. Đến gần 1 năm, nhà bố mẹ chồng tôi kêu bà Ph trả tiền đất còn lại của nhà bố mẹ chồng tôi thì bà Ph lại nói tôi chưa trả nợ cho bà, trong khi đó tôi đã trả xong cho bà Phúc, tôi đòi bà trả lại giấy chứng nhận đất nhà bà gì thì bà Phúc nói chưa lên được thổ cư, gần 2 năm rồi bà không trả lại giấy chứng nhận đất cho nhà bà gì tôi, lừa bà gì tôi nói đi ký tách thửa còn lại cho bà gì nhưng bà cho bà gì ký qua cho người khác, tôi làm âm lên thì bà Phúc mang giấy nợ của tôi ra nói chuyện. Trong lúc tôi đã trả nợ cho bà Phúc cũng có mấy người ngồi cùng làm chứng cho tôi. Nhiều lần bố chồng tôi gọi điện thoại cho bà kêu bà trả số tiền mua đất còn lại thì bà cứ nói là tôi nợ bà. Bà Phúc rủ tôi mua đất cùng, mỗi bên bỏ ra 50.000.000 đồng, đến lúc làm giấy tờ lâu thì bà kêu tôi đền tiền cho họ, tôi vẫn chấp nhận đền tiền. Nay bà Ph kiện tôi nói tôi còn nợ thì tôi không chấp nhận vì tôi đã trả cho bà Phúc hơn 1 năm nay.

- Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng bà H N trình bày: vào khoảng tháng 02/2022, tôi và bà H B có mang theo 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Y K đến nhà của bà Đinh Thị Th, trú tại thị trấn P, huyện K (địa chỉ cụ thể thì tôi không nắm được) cầm cố cho bà Th để vay số 250.000.000 đồng. Sau khi bà Th đồng ý cầm cố tài sản trên, bà Ph cũng có ở đó nên bà Ph có nói với bà Th chuyển khoản trực tiếp cho bà Ph luôn. Khi đó có tôi, bà H B ở đó nên bà H B và tôi đều đồng ý để bà Th chuyển khoản trực tiếp cho bà Ph.

Sau khi bà Th chuyển khoản cho bà Phúc thì khoảng lúc sau, bà Ph có nói tôi và bà H B ra ngoài quán cà phê để tính tiền liên quan đến việc bà H B nợ bà Ph 215.000.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng mà tôi nợ bà Ph.

Sau khi bà Ph tính toán xong, bà Ph có nói với hai chị em tôi: "H B nợ tôi 215.000.000 đồng và H N nợ tôi 5.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng là tiền công do tôi dẫn hai chị em đi vay". Số tiền còn lại là 10.000.000 đồng thì bà Ph đưa lại cho hai chị em tôi. Bà còn nói: "Hiện nay, số tiền mà H B vay của tôi thì chưa tính lãi nên khi nào trả xong tiền lãi thì bà sẽ hủy giấy vay tiền mà bà H B còn nợ". Nghe vậy, tôi và bà H B cũng chấp nhận theo ý kiến của bà Ph.

Đến ngày 25/4/2023, hai chị em tôi có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

của người khác cho bà Ph cầm cố. Sau đó, bà Ph có dẫn hai chị em tôi đến Phòng công chứng số 3, tại Buôn Hồ và nói nếu bà cầm cố bìa đỏ đó thì chỉ cầm cố được 300.000.000 đồng. Sau đó, hoàn tất thủ tục cầm cố như thế nào thì tôi không biết. Tuy nhiên, bà Ph có đưa cho hai chị em tôi số tiền 37.000.000 đồng và bà còn nói: "Số tiền lãi mà chị em còn nợ trước đây thì không tính toán nữa, về nhà chị sẽ xé giấy đó". Nghe vậy, hai chị em tôi tin tưởng nên đồng ý. Nay bà Ph dùng giấy vay tiền ngày 24/02/2023 để khởi kiện bà H B thì tôi không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị Ph chỉ đề nghị bà H B hoàn trả số tiền nợ gốc đã vay là 215.000.000 đồng. Về tiền lãi, bà Cao Thị Ph rút lại, không yêu cầu. Bị đơn bà H B không chấp nhận, cho rằng đã trả hết nợ cho bà Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu:

Về tố tụng: Toà án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ đúng pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng cũng như việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia phiên tòa đều đảm bảo, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Ph. Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự để buộc bà H B phải trả cho bà Cao Thị Ph số tiền 215.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng.

[1.1] Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2024, bà Cao Thị Ph khởi kiện bà H B về việc hoàn trả số tiền nợ 215.000.000 đồng đã vay mượn. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự (tranh chấp về hợp đồng vay tài sản), quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Bị đơn bà H B có địa chỉ tại Buôn M – xã E – huyện K nên bà Cao Thị Ph làm đơn khởi kiện và được Toà án nhân dân huyện Krông Năng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp.

[2.1] Xem xét tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì thấy, ngày 24/02/2024 bà H B vay của bà Cao Thị Ph số tiền 215.000.000 đồng và hẹn đến ngày 24/3/2023 sẽ trả. Việc vay tiền được lập văn bản là “Giấy vay tiền” và có chữ ký xác nhận của người vay là bà H B.

[2.2] Quá trình làm việc, bà H B thừa nhận là có vay của bà Cao Thị Ph số tiền 215.000.000 đồng. Bà H B cũng thừa nhận nội dung chữ viết vay tiền với số tiền 215.000.000 đồng là chữ viết của bà H B và bà H B đã ký nhận dưới mục “Người vay”.

[2.3] Như vậy, việc vay tiền của bà H B với bà Cao Thị Ph là có thật, thể hiện qua “Giấy vay tiền” ngày 24/02/2023 đều có chữ viết, chữ ký của bà H B.

[2.4] Bà H B cho rằng đã hoàn trả tiền đầy đủ cho bà Cao Thị Ph nhưng ngoài lời khai của người làm chứng là bà H N thì bà H B không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả hết nợ. Tài liệu, chứng cứ mà bà Cao Thị Ph khởi kiện là “Giấy vay tiền” có chữ viết, chữ ký của bà H B nên yêu cầu khởi kiện của Cao Thị Ph đối với bà H B là có căn cứ, cần buộc bà H B phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Cao Thị Ph số tiền đã vay và nợ là 215.000.000 đồng.

[2.5] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị Ph không yêu cầu bà H Bãi Mlô tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn bà H B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 215.000.000 đồng x 5% = 10.750.000 đồng.

Nguyên đơn bà Cao Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Ph.

Buộc bà H B phải trả cho bà Cao Thị Ph số tiền 215.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Bà H B phải chịu 10.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Cao Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 6.464.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002634 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;

- VKSND huyện Krông Năng;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

(Đã ký)

**Trần Cảnh Toàn**